TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỤ BẢN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HS-ST
Ngày: 24-12-2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thủy.

Ông Hoàng Quốc Mậu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1997.

Nơi sinh: Xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm A, thôn Đ, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1974 và bà Vương Thị T1, sinh năm 1975; có vợ là Đỗ Hạnh T2, sinh năm 2001 và 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 09 tháng 10 năm 2024 cho đến nay.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn M1, sinh năm 1959 (Đã chết).

Nơi cư trú của ông M1 trước khi chết: Đội 8, xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn M1 là:

. Bà Trần Thị M2, sinh năm 1959 (Bà M2 là vợ của ông M1).

. Anh Trần Văn K, sinh năm 1983 (Anh K là con đẻ của ông M1).

Đều cùng cư trú tại: Đ, xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

. Chị Trần Thị M3, sinh năm 1985 (Chị M3 là con đẻ của ông M1).

Cư trú tại: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị M2 và chị Trần Thị M3 là: Anh Trần Văn K, sinh năm 1983; cư trú tại: Đ, xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định (Theo giấy uỷ quyền lập ngày 26-9-2024).

- *Người chứng kiến:* Ông Phạm Minh C, sinh năm 1963.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo T, bà M2 và chị M3; vắng mặt anh K và ông C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T có giấy phép lái xe hạng A1. Chiều ngày 17 tháng 9 năm 2024, Phạm Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, sơn màu đen đỏ, BKS 29Y1-461.13 đi từ nhà của T ở xóm A, thôn Đ, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội để về quê vợ của T ở xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày thì T điều khiển xe mô tô nêu trên đi đến K+100 Quốc lộ C thuộc địa phận xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Đoạn đường này thẳng, tầm nhìn thoáng, mặt đường trải nhựa áp phan rộng 11m, ở tim đường có vạch sơn màu trắng nét đứt quãng chia mặt đường thành hai chiều đường đi riêng biệt là chiều từ xã K đi thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định và chiều ngược lại, ngoài hai lề đường là vỉa hè lát gạch bê tông, ngoài vỉa hè là cánh đồng. Lúc này, T điều khiển xe mô tô đi ở chiều đường bên phải theo chiều hướng từ xã K đi thị trấn G, với tốc độ di chuyển của xe mô tô khoảng 40-45 Km/h và cùng lúc này ở phía trước cùng chiều với xe mô tô T điều khiển đang có ông Trần Văn M1, sinh năm 1959, trú tại: Đ, xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định đang đi bộ từ mép đường bên phải chếch ra hướng giữa đường để sang đường. Nhưng do trước đó T không chú ý quan sát nên đến khi khoảng cách giữa vị trí xe mô tô T điều khiển đến vị trí ông M1 đang đi bộ khoảng từ 08 đến 10m thì lúc này T mới phát hiện thấy ông M1. Khi T phát hiện thấy ông M1 thì T đã đánh lái xe mô tô của mình điều khiển sang bên trái nhằm để tránh ông M1. Nhưng do khoảng cách giữa xe mô tô T điều khiển và ông M1 quá gần nên phần đầu, bánh trước của xe mô tô T điều khiển đã xô vào chân trái của ông M1 làm cho ông M1 bị ngã ngửa về phía sau, đập đầu xuống đường, còn T cùng với xe mô tô bị đổ, ngã sang bên phải và xe mô tô bị rê trượt trên mặt đường về hướng thị trấn G. Hậu quả của vụ tai nạn làm cho ông M1 bị thương được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện V - Hà Nội và đến chiều ngày 19 tháng 9 năm 2024 thì ông M1 đã bị tử vong.

Sau khi vụ tai nạn xảy ra, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông nêu trên theo hướng từ xã K đi thị trấn G. Lấy mép đường nhựa bên phải theo chiều từ xã K đi thị trấn G làm mép đường chuẩn. Lấy chân cột Km H1/98 (Km 98+100) chôn trên vỉa hè bên ngoài lề phải làm điểm mốc. Đo từ điểm mốc đến tâm trục bánh sau xe mô tô BKS: 29Y1-461.13 là 12,5m (theo hướng từ thị trấn G đi xã K) đã ghi nhận những dấu vết cụ thể như sau:

+ Đám máu đậm đặc không rõ hình có KT là (0,45 x 0,1)m, từ tâm đám máu ra mép đường chuẩn là 1,65m và đến đầu dải vết cày là 2,1m.

+ Dải vết cày đứt đoạn làm xước nhựa mặt đường có KT là (7,6 x 0,5)m, chiều hướng cày từ xã K đi thị trấn G, từ lề phải ra hướng giữa đường. Từ đầu dải vết cày ra mép đường chuẩn là 3,3m, cuối dải vết cày trùng với đầu mút gá để chân người ngồi sau bên phải của xe mô tô BKS: 29Y1-461.13 và ra mép đường chuẩn là 3,9m.

+ Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, sơn màu đen đỏ, BKS 29Y1-461.13 bị đổ nghiêng sang bên phải xe gần như vuông góc với đường đi, đầu xe hướng ra tim đường, đuôi xe hướng lề phải. Từ tâm trục bánh trước của xe mô tô ra mép đường chuẩn là 4,7m, tâm trục bánh sau của xe mô tô ra mép đường chuẩn là 3,7m.

- Khám nghiệm tử thi ông Trần Văn M1 đã ghi nhận những dấu vết cụ thể như sau:

+ Khám ngoài: Kết giác mạc hai mắt sung T ết; vùng thái dương đỉnh chẩm phải có vết rách dập da cơ, sưng nề, tụ máu KT là (05 x 04)cm; lồng ngực phải trên núm vú bầm tím trên diện KT là (10 x 5)cm; lồng ngực trái ngoài núm vú bầm tím KT là (07 x 03)cm; mặt trước cẳng chân trái trợt da KT là (01 x 0,2)cm; vùng thắt lưng trái bầm tím KT là (05 x 02)cm.

+ Khám trong: Mở rộng vết thương vùng đỉnh chẩm: Tụ máu dưới da cơ vùng đỉnh chẩm phải KT là (10 x 08)cm; vỡ nứt xương hộp sọ vùng chẩm phải dài là 04cm, qua vùng vỡ nứt có nhiều nước máu không đông chảy ra; hệ thống xương lồng ngực, khung chậu vững; hệ thống xương tứ chi không dập gãy.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 1619/KLGĐTT-KTHS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N đã kết luận: Nạn nhân Trần Văn M1 chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Cơ chế: Do va đập và trà sát.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, Phòng C1 Công an tỉnh N đã tiến hành đo nồng độ cồn đối với Phạm Văn T. Kết quả đo là 0,000 mg/L.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, Bệnh viện đa khoa Công an tỉnh N đã có Phiếu xét nghiệm hóa sinh Test ma túy tổng hợp đối với Phạm Văn T. Kết quả T3 là âm tính.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tạm giữ của Phạm Văn T những đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, sơn màu đỏ đen, BKS 29Y1-461.13; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033422 do Công an huyện M, thành phố Hà Nội cấp ngày 06-6-2019, mang tên chủ xe là Phạm Văn T, biển số đăng ký là 29Y1-461.13; 01 (một) giấy phép lái xe số 350152004888 do Sở Giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 09-11-2015, mang tên Phạm Văn T. Ngày 09 tháng 10 năm 2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho Phạm Văn T toàn bộ những đồ vật, tài liệu đã tạm giữ của T như đã nêu ở trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Phạm Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền là 120.000.000 đồng. Người đại diện gia đình bị hại là anh Trần Văn K (Anh K là con đẻ của ông M1) đã nhận đủ số tiền nêu trên và anh K không yêu cầu T phải bồi thường, hỗ trợ thêm cho gia đình bị hại bất cứ khoản tiền gì khác, đồng thời anh K đã tự nguyện làm đơn đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện V xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho T.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên.

Cáo trạng số 62/CT-VKSVB ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã truy tố Phạm Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và các tình tiết, sự kiện có liên quan đến vụ án đúng như nội dung đã nêu ở trên và bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ở môi trường ngoài xã hội.

Bà Trần Thị M2 và chị Trần Thị M3 là người đại diện hợp pháp của bị hại đều đã trình bày: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền là 120.000.000 đồng, nay bà M2 và chị M3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm cho gia đình bị hại bất cứ một khoản tiền nào nữa; ngoài ra bà M2 và chị M3 còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản thực hành quyền công tố, sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo Phạm Văn T và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan

điểm truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng và đã đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

- Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, các bên có liên quan đến vụ tai nạn đã tự nguyện thoả thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại; tại phiên tòa bà M2 và chị M3 là người đại diện hợp pháp của bị hại cũng không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm cho gia đình bị hại bất cứ một khoản tiền nào nữa. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án cũng như là vật chứng của vụ án đã tạm giữ và phù hợp với toàn bộ những lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra. Nên, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Phạm Văn T có giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 17 tháng 9 năm 2024, bị cáo T đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, màu đen đỏ, BKS 29Y1-461.13 đi tại Km 98+100 Quốc lộ C thuộc địa phận xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Đoạn đường này thẳng, tầm nhìn thoáng, mặt đường trải nhựa áp phan rộng 11m, ở tim đường có vạch sơn màu trắng nét đứt quãng chia mặt đường thành hai chiều đường đi riêng biệt là chiều từ xã K đi thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định và chiều ngược lại. Lúc này, bị cáo T điều khiển xe mô tô đi ở chiều đường bên phải hướng từ xã K đi thị trấn G và cùng lúc này ở phía trước cùng chiều với xe mô tô bị cáo điều khiển đang có ông Trần Văn M1, sinh năm 1959, trú tại: Đ, xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định đang đi bộ sang đường nhưng bị cáo lại không chú ý quan sát để chủ động giảm tốc độ, nhường đường cho ông M1 sang đường nên đến khi khoảng cách giữa xe mô tô bị cáo điều khiển đến vị trí ông M1 đang đi bộ đã quá gần thì bị cáo mới phát hiện thấy ông M1. Do đó, bị cáo đã để cho phần đầu, bánh trước của xe mô tô mình điều khiển xô vào chân trái của ông M1 làm cho ông M1 bị ngã ngửa đập đầu xuống đường. Hậu quả làm cho ông M1 bị chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ và đến chiều ngày 19 tháng 9 năm 2024 thì ông M1 đã bị tử vong.

Xét hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ nêu trên của bị cáo Phạm Văn T và hậu quả xảy ra, Hội đồng xét xử thấy hành vi đó của bị cáo đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ và vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Bộ G quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Nên, hành vi của bị cáo đã có đủ các căn cứ và các yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản về hành vi phạm tội của bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ và gây mất an toàn giao thông đường bộ tại địa phương, ngoài ra còn gây lên sự hoang mang lo sợ cho những người dân khi tham gia giao thông. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông bị cáo lại không chấp hành đúng quy tắc giao thông đường bộ nên đã vô ý gây ra vụ tai nạn dẫn tới hậu quả làm cho ông Trần Văn M1 bị tử vong. Do đó, cần phải buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như là mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và tương xứng với nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ nói chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Xét trước lần phạm tội này bị cáo Phạm Văn T chưa có vi phạm pháp luật gì, lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng: Xét bị cáo Phạm Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong giai đoạn điều tra bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 120.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện V xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, mặt khác bị hại trong vụ án cũng có một phần lỗi trong vụ tai nạn. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phạm Văn T phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo được. Nên, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú thì cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng là để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Xét bị cáo Phạm Văn T là lao động tự do và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú. Do đó, miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Xét trong giai đoạn điều tra hai bên đã tự nguyện thoả thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại và tại phiên tòa bà M2 và chị M3 là người đại diện hợp pháp của bị hại cũng không yêu cầu bị cáo phải

bồi thường thêm cho gia đình bị hại bất cứ một khoản tiền nào nữa. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với ông Trần Văn M1 khi đi bộ sang đường tại nơi không có đèn tín hiệu và không có vạch kẻ đường nhưng khi sang đường ông M1 lại không chú ý quan sát xe mô tô do bị cáo T điều khiển đang đi tới để nhường đường là không bảo đảm an toàn. Nên, ông M1 cũng có một phần lỗi trong vụ tai nạn giao thông.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện M, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án của Tòa án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục.

Bị cáo Phạm Văn T phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T; bà Trần Thị M2 và chị Trần Thị M3 là người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn K là người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà M2 và chị M3 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Vụ Bản;
- Công an huyện Vụ Bản;
- CCTHADS huyện Vụ Bản;
- UBND xã Hương Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân